

Số: 23 /TM-TTYT

Thanh Miện, ngày 11 tháng 06 năm 2026

Về việc cung cấp báo giá

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trung tâm Y tế Thanh Miện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất phục vụ công tác chuyên môn năm 2026-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Y tế Thanh Miện

- Địa chỉ: xã Thanh Miện, TP Hải Phòng

- Đại diện: Ông Trần Hải Hà

- Chức vụ: Giám Đốc

- Điện thoại: 0912 960 989

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Đại diện: Ông Nguyễn Năng Được

- Chức vụ: Trưởng khoa Dược –TTB – VTYT

- Điện thoại: 0707.420.000

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- File PDF, file Excel: nhận qua Email ttytthanhmien@gmail.com

- Bản in (ký tên, đóng dấu) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Trung tâm Y tế Thanh Miện, xã Thanh Miện, TP Hải Phòng

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 13h ngày 11 tháng 06 năm 2026 đến trước 13h ngày 22 tháng 06 năm 2026.

5. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa: Chi tiết theo phụ lục kèm theo

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, bảo quản:

- Trung tâm Y tế Thanh Miện, xã Thanh Miện, TP Hải Phòng

3. Các yêu cầu khác:

Báo giá: Giá hàng hóa là giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác.

Báo giá được ký, đóng dấu người có thẩm quyền và đóng dấu giáp lai (trong trường hợp báo giá có nhiều trang).

4. Các thông tin khác: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp có thể báo giá cho Trung tâm Y tế Thanh Miện các hàng hóa khác so với hàng hóa đề xuất có tính năng kỹ thuật tương đương đáp ứng được yêu cầu chuyên môn của Trung tâm.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Trần Hải Hà



Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các VTYT, hóa chất, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Năm sản xuất	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	...											
2	...											
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I-Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



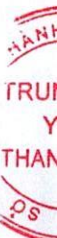
Phụ lục 1. DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

TT	Danh mục hàng hóa	Hàng hóa đề xuất					Đơn vị tính	Số lượng	
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản			Quy cách đóng gói
I. Bông - Dung dịch khử khuẩn									
1	Bông (gòn)	Bông y tế thấm nước	BHN	Việt Nam	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị rơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn : ISO 13485:2016;	1kg/túi	Kg	600
2	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	MEGASEPT GTA EXTRA	MG245050	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Lavitec	Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Thời gian đồ ra chịu ngâm: Tối đa 30 ngày Tặng kèm test thử, nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w).	5 lit/can	Lit	400
3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	CIDEX OPA		Anh			Can 3.78L	Lit	400
4	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ có hoạt tính Enzyme	ALFASEPT Z-2	AF230010 ALFASEPT Z-2	Việt Nam	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Enzyme Protease 0,5 % (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chích pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu... pH trung tính: 7-8 (ở 20°C); dễ dàng tương thích với nhiều loại vật liệu, không gây ăn mòn kim loại	1 lit/can	Lit	60
5	Băng cuộn vô trùng	Băng cuộn 9cm x 2,5m	BC	Việt Nam	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành	Băng cuộn 9cm x 2,5 m vô trùng	20 cuộn/gói	Cuộn	20,000
6	Gạc hút y tế (gạc mét)	Gạc hút y tế khổ 0,8m	GH	Việt Nam	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành	Khổ 80cm Dùng trong lĩnh vực y tế (vệ sinh, băng vết thương, thấm hút dịch...). Sản xuất từ 100% bông xơ tự nhiên (100% cotton), dạng màng mỏng, thoáng khí, sợi gạc mềm mại, Gạc dễ tháo gỡ và không để lại xơ, sợi dư trên bề mặt vết thương. Đảm bảo vệ sinh an toàn, không gây kích ứng da.	1000 mét/ kiện	Mét	22,000
7	Dung dịch javen	Javen	Javen	Việt Nam	Công ty TNHH TTBYT và Hóa chất Thuận Phát	Có màu hơi vàng, có mùi đặc trưng, nồng độ khoảng 7-12% Quy cách: Can ≤30 L, Phuy ≤220 L	30 lit/can	Lit	2,000
8	Viên khử khuẩn 2,5g	GERMISEP 2,5g	GERMISEP 2,5g	Malaysia	HOVID BERHAD (Hovid Bhd)	50% Sodium Dichloroisocyanurate, dạng viên sủi tan nhanh trong nước, khử khuẩn chất thải y tế, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế. PH 5,5-6,5 ổn định, tạo dung dịch acid	100 viên/ hộp	Viên	10,000
9	Povidone 10%	Dung dịch sát khuẩn da APM Povidone	APM Povidone	Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế An Phú	Chai 100ml, sử dụng trực tiếp không pha loãng, sát khuẩn da trong y tế (không dùng cho niêm mạc vết thương hở, diệt khuẩn sau một phút tiếp xúc, tác dụng diệt 99.9% vi khuẩn S.Aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, M.tuberculosis, Bacillus subtilis. thành phần, hàm lượng của hoạt chất: 10%/v povidone iodine tương đương với 1% w/v iodine tự do. Có phiếu kiểm định thành phần của cơ quan chức năng, phiếu khảo nghiệm viện vệ sinh dịch tễ trung ương.	100ml/lọ	Lọ/Chai	8,000
10	Danapha PVP - IODINE 10%	Danapha PVP - IODINE 10%		Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược Danapha.		Chai 500ml	Chai	1,500
11	Cồn 70 độ	Ethanol 70° (Cồn 70°)	Ethanol 70 độ	Việt Nam	Công ty TNHH TTBYT và Hóa chất Thuận Phát	Sát trùng da và vết thương ngoài da. Chai 500ml	500ml/chai	Chai	3,500
12	Natri clorid 0,9%	Natri clorid 0,9%	Natri clorid 0,9%	Việt Nam	Công ty TNHH TTBYT và Hóa chất Thuận Phát	Chai 500ml. Rửa vết thương trong phẫu thuật, đặt ống thông tiểu bên trong, các vết thương ngoài da, rửa dụng cụ phẫu thuật, súc miệng để phòng và trị viêm họng, viêm răng lợi.	500ml/chai	Chai	1,000
II. Kim khâu phẫu thuật									

TT	Danh mục hàng hóa	Hàng hóa đề xuất					Đơn vị tính	Số lượng	
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản			Quy cách đóng gói
1	Kim lấy máu, lấy thuốc các cỡ	Kim tiêm MPV	KT01: MPV	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Kim 26Gx1/2", 25Gx5/8", 25Gx1", 24Gx1", 23Gx1", 22Gx1 1/4", 21Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 18Gx1 1/2". Đầu kim vát ba cạnh giúp tiêm sắc ngọt, sản phẩm được khử trùng bằng khí EO.	100 chiếc /hộp	Chiếc	120,000
2	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần	Hwato	Trung Quốc	Suzhou Medical Appliance Factory	<ul style="list-style-type: none"> - Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, được cuộn xoắn ốc đồng đều bằng 1 sợi thép y tế, có màu đồng nhất, không có nếp nhăn. - Thân kim được làm từ thép không gỉ có khả năng chống gỉ, chống ăn mòn, không có vết nứt, vết gãy hoặc tách thành các lớp - Kích thước của kim: Đường kính x Chiều dài: (0,18 - 0,40)mm x (8 - 150) mm - Kim sử dụng 1 lần, được tiệt trùng bằng ethylene oxide với dư lượng sau tiệt trùng không vượt quá 10ug/g - Đóng gói vô trùng tiện lợi. - Thiết kế an toàn, dễ sử dụng, tiết kiệm thời gian. - Chứng nhận: ISO 13485:2016 	10 cái/vi 10 vi/hộp	Cái	250,000
3	Kim cánh bướm các cỡ	Kim cánh bướm ECO	KCB02: ECO	Việt Nam	Công ty CP Nhựa Y tế Việt Nam	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài 30cm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp	100 cái/túi	Cái	11,000
4	Kim luồn tĩnh mạch có cửa bơm thuốc các số	Kim luồn tĩnh mạch	Wellcath Plus	Ấn Độ	Wellmed International Industries Pvt.Ltd	<p>Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cửa bơm thuốc; Kim vát, chất liệu thép không gỉ, dạng ống với 3 cạnh vát sắc nhọn tạo cảm giác không đau cho người dùng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống catheter làm từ Chất liệu PTFE/FEP/PUR, có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Thời gian lưu kim tối đa đến 72h. Các cỡ: 16G-24G Tiệt trùng bằng khí EO, vô trùng, không buốt, không độc 	100 chiếc /hộp	Cái/Chiếc	8,000
5	Kim luồn tĩnh mạch trẻ em	Kim luồn tĩnh mạch an toàn	INTROCAN SAFETY	Malaysia	Bbraun	<p>Kim luồn tĩnh mạch an toàn có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau cơ chế tự động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Độ dài Trim Length 1mm, đảm bảo lực tác động và giảm đau cho người bệnh - Kim luồn có cánh, không cưa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm 	Túi 1 cái	Cái	5,000
6	Kim khâu các số	Kim khâu tam giác - tròn	GT044-001	Trung Quốc	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.	Chất liệu thép không gỉ, đạt ISO 13485	10 cây / Gói	Cái	800
7	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao mổ tiệt trùng các số	ZB10; ZB11; ZB15; ZB20; ZB21	Bi	SMI A.G	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiệt trùng, có ≥ 5 số. Đạt tiêu chuẩn ISO	100 cái/hộp	Cái	1,000
8	Kim chích máu	Kim chích máu, loại đầu xoay	Disposable Lancet (Twist Lancet)	Trung Quốc	Henso Medical (Hangzhou) Co., Ltd	Đầu kim thép không gỉ Size: 28G. Tiệt trùng bằng tia Gamma.	100 cái/hộp	Cái	10,000
9	Kim chọc dò gây tê tủy sống	TOP Spinal Needle		Top Corporation-Malaysia	Top Corporation	Kim rất sắc: do mũi kim được cắt vát hình dạng kim cương cho phép thâm nhập dễ dàng. Đốc kim trong suốt có phân quang để dàng quan sát thấy dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống.Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kimSize / Ext. Dia. x Length mm: 18G 1,27 x 89, 20G 0,9 x 89, 22G 0,7 x 89, 25G 0,5 x 89 ,27G 0,4 x 89.	20 cái/hộp	Cái	1,000
III. Chi khâu phẫu thuật									
1	Chi không tiêu 3/0	Chi Daclon Nylon số 3/0	9201524	Bi	SMI AG	Chi không tiêu đơn sợi tổng hợp Daclon Nylon, thành phần Polyamide số 3/0 75cm kim tam giác 3/8C thép 301, phủ silicone 24mm. Lực tách kim và chi cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek.	12 sợi/hộp	Sợi	1,200
2	Chi không tiêu 4/0	Chi Daclon Nylon số 4/0	9151519	Bi	SMI AG	Chi không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 4/0 75cm kim tam giác 3/8C 19mm. Lực tách kim và chi cao hơn 20-60% USP. Đóng gói bằng giấy Tyvek. Kim phủ silicone.	12 sợi/hộp	Sợi	200

TT	Danh mục hàng hóa	Hàng hóa đề xuất					Đơn vị tính	Số lượng	
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản			Quy cách đóng gói
3	Chỉ tiêu tổng hợp số 1/0	Chỉ Surgicryl 910 số 1	15400140	Bi	SMI AG	Thành phần Polyglactine 910, Copolymer làm bằng 90% Glycolide và 10% L-lactide .Đài 90cm kim 1/2 kim tròn vòng kim 40mm, kim phủ silicone, tiết trùng EO, kim bằng thép không rỉ	12 sợi/hộp	Sợi	1,200
4	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	Chỉ Surgicryl 910 số 2/0	15300126	Bi	SMI AG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly- glycolide-co-L- Lactide và calcium stearate số 2/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ 300, 302 phủ silicone	12 sợi/hộp	Sợi	240
5	Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0	Chỉ Surgicryl 910 số 3/0	15200126	Bi	SMI AG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 3/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim thép không gỉ phủ silicon.	12 sợi/hộp	Sợi	120
IV. Sonde, dây dẫn									
1	Dây truyền dịch kèm kim cánh bướm	Bộ truyền dịch có kim cánh bướm	Renon	Trung Quốc	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd	Dây truyền dịch gắn kim bướm 23G. Dây truyền dịch có dây dẫn dài 1500mm cấu tạo từ nhựa PVC nguyên sinh tiêu chuẩn y tế, dẫn dịch tốt, độ đàn hồi cao không gây gập khi sử dụng và bảo quản. Bầu đếm giọt thiết kế màng lọc, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ ml. Tiết trùng bằng khí EO, vô trùng, không bọt, không độc, không gây sốt.	1 bộ/túi	Bộ	25,000
3	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	Dây oxy 2 nhánh (các cỡ)	GM-001-003	Trung Quốc	Ningbo Great Mountain Medical Instruments Co.,Ltd	- Làm từ nhựa PVC nguyên sinh, an toàn tiết khuẩn, không độc hại - Dây mềm. Thành trong lòng ống dây có hình sao có tác dụng chống không bị tắc nghẽn khí oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gập gập. Một đầu gắn phễu, một đầu gắn có 2 nhánh. Chiều dài dây thở oxy 2m - Tiết trùng bằng khí EO - Gồm các size : L,S, XS - Quy cách: 100 cái/thùng - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE	1 chiếc/túi	chiếc	700
9	Mask khí dung các số	Mặt nạ xông khí dung	GM-001-002	Trung Quốc	Ningbo Great Mountain Medical Instruments Co.,Ltd	Làm từ nhựa PVC nguyên sinh an toàn, không gây kích ứng, bề mặt mềm mại, mịn màng, trong suốt, không chứa độc tố DEHP - Thiết kế thích hợp với tất cả các loại máy khí dung. - Có dụng cụ chứa thuốc. Dây dẫn chính có chiều dài 2m. - Mặt nạ có dây đeo. Bầu đựng thuốc từ 2ml -> 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml - > 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -> 0.014ml/giọt. - Bao gồm mặt nạ, khí dung, ống oxy, thắt lưng đàn hồi, nhôm flake và kết nối. Sản phẩm được dùng để quản lý thuốc cho người bệnh dưới dạng một sương mù hít vào phổi. Tiết trùng bằng khí EO - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485.Gồm các size : S, M, L, XL	1 cái/túi	Cái	1,000
10	Túi lấy máu đơn		SC-250A	Trung Quốc	Shangdong Weigao Group Medical Polymer Co.,Ltd	Hệ thống túi máu dùng một lần bằng PVC y tế, hàn liền khối và các góc được bo tròn - Thể tích túi tối đa tới 300ml, phù hợp chứa đơn vị lấy máu 250ml, trong túi chứa sẵn 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 - Ống dây lấy máu có chiều dài lên tới 1020mm (980±40), có 12 dây số (segments) và có kẹp để khóa tạm thời ống dây lấy máu. - Kim lấy máu cỡ 16G - Tiết Trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Kích thước túi: + Chiều cao bên trong: 141 ± 5 mm và chiều rộng bên trong: 120 ± 5 mm + Chiều cao bên ngoài: 201 ± 5 mm và chiều rộng bên ngoài: 130 ± 5 mm	5 túi/ gói	Túi	20
13	Sonde hút nhớt các số	Dây hút dịch ECO sử dụng một lần	DHD: ECO	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. - Độ dài 500 mm. - Không có nắp/Có nắp. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	20 sợi x 25 túi / kiện	Cái/Chiếc	5,000
14	Dây truyền máu	Bộ dây truyền máu	BM0170	Ấn Độ	Bio-Med Healthcare Products PVT. Ltd	- Vô trùng, dùng 1 lần, không gây sốt. - Ống nhựa PVC dài 150cm trong suốt, mềm, chống xoắn. - Lưu lượng: 20 giọt/ml	1 bộ/túi	Bộ/Túi	30

V. Vật tư y tế theo máy



TT	Danh mục hàng hóa	Hàng hóa đề xuất					Đơn vị tính	Số lượng	
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản			Quy cách đóng gói
1	Gel siêu âm	Gel siêu âm APM SONIC	APM SONIC	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Y Tế An Phú	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, Không có formaldehyde Không gây mẫn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5. Can 5 lít	5 lít/can	Can	16
2	Giấy in điện tim 3 cần	Giấy in điện tim 3 cần cuộn Fukuda có dòng kẻ	ACFD6330-16R4	Malaysia	Tele-Paper (M) Sdn. Bhd	- Dạng cuộn, chiều dài 30m, có bao bì bảo vệ. - Kích thước 63mm * 30m * 16mm, chất liệu bằng giấy in nhiệt dùng trong y tế và loại có kẻ sọc lưới đỏ, tương thích với máy điện tim 3 cần Fukuda, Nihon Kohden.	10 cuộn/hộp	Cuộn	700
3	Giấy in điện tim 3 cần	Giấy in điện tim 3 cần		Việt Nam	Hải Anh	Hộp ≤10 cuộn ; Cỡ giấy 80mm x 20m.	10 cuộn/hộp	Cuộn	600
4	Ống nghiệm chống đông Heparin	Ống nghiệm lấy máu Heparin MPV, nắp nhựa	ON-09: MPV	Việt Nam	Công ty CP Nhựa Y tế Việt Nam	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sừng, Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đen, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định .	100 cái/hộp	Cái	60,000
5	Ống nghiệm chống đông EDTA	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA MPV nắp nhựa	ON-04: MPV	Việt Nam	Công ty CP Nhựa Y tế Việt Nam	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp xanh dương,nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	100 cái/hộp	Cái	50,000
6	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng	CONY	Việt Nam	Công ty Cổ phần Đất Việt Thành	Túi ≤ 1000 cái	1000 cái/túi	Cái	5,000
7	Giấy in điện tim 6 cần	Giấy in điện tim 6 cần tập Nihon không dòng kẻ	ACNK110140 F143S	Malaysia	Tele-Paper (M) Sdn. Bhd	Kích thước: 110mm x 140mm x 143 tờ (dạng xấp), trắng không kẻ. Quy cách: Túi ≤1 tập (xấp)	1 xấp/túi	Xấp	20
8	Lam kính	Lam kính hiển vi, trong suốt, hộp 72 chiếc	HD7102	Trung Quốc	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ±1mm. Kính trơn	72 cái/hộp	Hộp	10
9	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn Merufa Lube 82g	Merufa lube/300670-02	Việt Nam	Công ty Cổ phần Merufa	Chất bôi trơn, tan trong nước, đã được tiệt trùng để bôi trơn trong nội soi, nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, thăm khám và bôi trơn âm đạo. Không gây dị ứng, không chứa chất dầu và chất nhờn, không có mùi hôi, không gây độc hại. Trọng lượng: 82g/ tuýp	1 tuýp 82gr/hộp	Tuýp	50
10	Giấy in máy huyết học	Giấy in nhiệt 5cm		Việt Nam	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ giấy Hải Anh	Kích thước: 50mm x 30m	10 cuộn/gói	Cuộn	200
11	Nhiệt kế thủy ngân		GT004-110	Trung Quốc	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd	Nhiệt kế thủy tinh	1 cái/ hộp	Cái	100
12	Đồng hồ oxy		Oxygen Regulator	Trung Quốc	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd	Dùng để đo nồng độ oxy; Brass or Aluminum. Thuộc nhóm sản phẩm Oxygen Connection tubings - Bộ phận kết nối oxy	1 cái/ hộp	Cái	20
13	Máy đo huyết áp		500-V	Nhật Bản	Tanaka Sangyo Co., Ltd ,	Đồng hồ đo có quả bóp làm bằng chất liệu cao su, van xả khí được mạ Crom nhằm chống oxy hóa và có độ bền cao, mặt đồng hồ được làm bằng kính chịu lực cao cấp, có độ thẩm mỹ cao. - Đồng hồ hiển thị kết quả chính xác, vạch chia từ 20 ~ 300mmHg, độ chính xác cao	1 cái/ hộp	Cái	30

TT	Danh mục hàng hóa	Hàng hóa để xuất					Đơn vị tính	Số lượng	
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản			Quy cách đóng gói
14	Ông nghe		F801	Nhật Bản	Tanaka Sangyo Co.,Ltd	Ông nghe có hệ thống dây dẫn khí làm bằng chất liệu cao su cao cấp chống oxy hóa - Tai nghe có độ khuếch đại lớn, nghe êm không đau tai	1 cái/ hộp	Cái	20
15	Ambu trợ thở các số		manual Resuscitator	Trung Quốc	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd	Chất liệu PVC. Bộ bóp bóng giúp thở cho người lớn và trẻ em, trẻ sơ sinh	1 cái/ hộp	Cái	10
VI. Vật tư sử dụng trong chuẩn đoán									
1	Test ma túy 5 chân	Multi-drug Urine Test Panel MD-U55(MOP/COD/HER/THC/AMP) (MOP-AMP-MET-THC)		Trung Quốc	Assure Tech. (Hangzhou) Co., Ltd.	Que thử xét nghiệm định tính(Nước tiểu) là xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính và đồng thời các loại chất gây nghiện (AMP, COD, HER, MOP, THC) dưới dạng các phức hợp khác nhau có trong nước tiểu ở người. - Sử dụng trong chẩn đoán in vitro Tham số: 5 chỉ số (MOP/COD/HER/THC/AMP) Hạn sử dụng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Bảo quản: 2-30 độ C	25 test/hộp	Test	2,000
2	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	HCV Rapid Test Strip (Serum/Plasma/Whole Blood)	L031-10321	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.	Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu (kháng vi rút) đối với HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 99.3%	25 Test/Hộp, 50 Test/Hộp lớn	Test	1,000
3	Test nhanh chẩn đoán kháng thể HIV	HIV 1/2/O Rapid Test Strip (Serum/Plasma/Whole Blood)	L031-10121	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.	Phát hiện phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99%.	50 Test/Hộp	Test	1,400
4	Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên viêm gan B	HBsAg Rapid Test Strip (Serum/Plasma/Whole Blood)	L031-10221	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100% (Khoảng tin cậy 98.2 - 100%); Độ đặc hiệu: 99.7% (Khoảng tin cậy 98.2 - 100%)	50 Test/Hộp	Test	1,500
5	Test nhanh chẩn đoán kháng thể IgG, IgM	Trueline™ Dengue IgG/IgM Rapid Test	IDENB-402	Việt Nam	Công ty TNHH Medicon	Phát hiện định tính và phân biệt các kháng thể IgM/IgG chống lại vi rút sốt xuất huyết (Dengue) trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người - Độ nhạy tương quan: 96.9 % (đối với Dengue IgM); 97.3% (đối với Dengue IgG) - Độ đặc hiệu tương quan: 98.9% (đối với Dengue IgM); 99.3% (đối với Dengue IgG)	50 Test/Hộp	Test	750
6	Test thử nhanh phát hiện vi rút cúm	Flowflex Influenza A/B Rapid Test	L031-119A5	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.	- Phát hiện nhiễm cúm từ mẫu tăm bông mũi, tăm bông ty hầu hoặc mẫu hút/rửa dịch ty hầu, xác định sự tồn tại của vi rút cúm tuýp A và tuýp B. - Độ nhạy lâm sàng: 100% với cúm tuýp A; 100% với cúm tuýp B - Độ đặc hiệu : 99.22% với cúm tuýp A; 99.61% với cúm tuýp B	50 Test/Hộp	Test	2,000
7	Test thử nhanh phát hiện virus Rota	Khay xét nghiệm định tính phát hiện Rotavirus trong mẫu bệnh phẩm phân	IROT-C61	Trung Quốc	Hangzhou Biotest Biotech Co., Ltd	- Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân của người. - Độ nhạy: >99.9%; Độ đặc hiệu: 98,8% (95.8% - 99.9%)	50 Test/Hộp	Test	100
8	Test nhanh kháng nguyên sốt xuất huyết	ACON Dengue NS1 Antigen Rapid Test Cassette (Serum/Plasma/Whole Blood)	Fuchsin Basic	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. -	Phát hiện các kháng nguyên NS1 của vi rút Dengue trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người - Độ nhạy tương quan: 99.1% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.4%	50 Test/Hộp	Test	750



TT	Danh mục hàng hóa	Hàng hóa đề xuất					Đơn vị tính	Số lượng	
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản			Quy cách đóng gói
9	Test covid	Trueline™ COVID-19 Ag Rapid Test	MICOG-502 (2503A2)	Việt Nam	Công ty TNHH Medicon	Định tính phát hiện kháng nguyên SARS-Cov-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người. Sử dụng các cặp kháng thể đơn dòng có độ nhạy và độ đặc hiệu cao đối với kháng nguyên SARS-Cov-2 (protein N và protein S). Độ nhạy tương quan: 96,30%. Độ đặc hiệu tương quan: 99,75%. Độ chính xác tương quan: 99,02%. - Ngưỡng phát hiện: 142 TCID50/mL với vi rút SARS-CoV-2 nuôi cấy bất hoạt và 0,1ng/mL với kháng nguyên tái tổ hợp SARS-Cov-2. - Không phản ứng chéo với Influenza A H1N1 và H5N1 ở nồng độ 1,0x10 ⁵ PFU/mL	50 Test/Hộp	Test	500
10	Test HAV	HAV IgM Rapid Test	IHA-302	Việt Nam	Công ty TNHH Medicon	phát hiện định tính kháng thể IgM kháng HAV hiện diện trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 99.5%	30 Test/Hộp	Test	100
11	Test đường huyết	Que thử đường huyết dùng với máy đo đường huyết cá nhân On-Call Plus	G133-111	Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.	Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD) Mỗi que thử chứa các thành phần phản ứng hóa học sau: Glucose oxidase < 25 IU, Chất trung gian (Mediator) < 300 µg. Thời gian đo: 10 giây Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch Phạm vi HCT: 25 - 60% Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL) Giá trị YSI tham chiếu được đo từ mẫu máu mao mạch lấy từ đầu ngón tay với khoảng giá trị mẫu phẩm từ 1.9 đến 28.2 mmol/L (34.3 đến 507 mg/dL), cho kết quả: - Đạt 100% nằm trong khoảng ±15% với nồng độ đường huyết < 5.55 mmol/L (100 mg/dL) - Đạt 99,6% nằm trong khoảng ±15% với nồng độ đường huyết ≥ 5.55 mmol/L (100 mg/dL)	50 Test/Hộp	Test	10,000
12	Test nhanh phát hiện sự hiện diện vi khuẩn H.pylori khuẩn trong mảnh sinh thiết dạ dày	MELAB H.pylori Urease Agar	T210745	Việt Nam	Công ty cổ phần Lavichem	Sử dụng để phát hiện Helicobacter pylori từ mẫu sinh thiết dạ dày	50 Test/Hộp	Test	1,000
13	Test nhanh chuẩn đoán chẩn, tay, miệng	Flowflex EV71 IgM Rapid Test – Acon Biotech		Trung Quốc	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.	Phát hiện nhanh và định tính kháng thể IgM đặc hiệu kháng Enterovirus 71 (EV71) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người - Độ nhạy tương quan: >90% - Độ đặc hiệu tương quan: >95-99%	25 Test/Hộp	Test	100
VII. Bơm tiêm									
1	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 5ml	BTK5: ECO	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G, kim sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có G, có nắp đậy để bảo vệ kim. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP.	100 cái/hộp	Cái	160,000
2	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 10ml	BTK10: ECO	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G, kim sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có G, có nắp đậy để bảo vệ kim. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP.	100 cái/hộp	Cái	120,000
3	Bơm tiêm insulin 1ml	Bơm tiêm insulin ECO sử dụng một lần 1ml	BTI04: ECO	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Kim 30Gx1/2", Đầu kim vát 3 cạnh sắc ngọt (sắc nhọn), xilanh được làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP	100 cái/hộp	Cái	350,000
4	Bơm tiêm nhựa 50ml dùng cho bệnh nhân ăn	Bơm cho ăn MPV 50ml	BCA	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	25 cái/hộp	Cái	100
5	Bơm tiêm nhựa 50ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 50ml	BTK50: ECO	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	25 cái/hộp	Cái	500
VIII. Băng dính									

TT	Danh mục hàng hóa	Hàng hóa đề xuất					Đơn vị tính	Số lượng	
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản			Quy cách đóng gói
1	Băng keo lụa	Băng dính cuộn vải lụa y tế UGOTANA, kích thước 2.5cm x 9.1m	BDL2.91.UGT	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Tanaphar	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm ² . Bờ ràng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước đúng: 2,5cm x 9,1m.	1 cuộn/hộp	Cuộn	1,000
2	Băng chỉ thị tiết trùng nhiệt độ thấp Plasma cỡ 12mm x 50m	Băng keo chỉ thị nhiệt	KMNST-1255	Trung Quốc	Anqing Kangmingna Packaging Co., Ltd.	Băng keo chỉ thị nhiệt là cuộn băng dán bằng giấy tổng hợp giãn nở theo nhiệt, mặt trên có các vạch mực in thay đổi màu sắc khi tiếp xúc với nhiệt độ và hơi nước trong một khoảng thời gian nhất định. cỡ 12mm x 55m (>50m tăng hiệu quả kinh tế cho người sử dụng, được sử dụng nhiều hơn)	01 cuộn/túi	Cuộn	30
IX. Găng									
1	Găng tay khám có bột	Găng kiểm tra dùng trong y tế	GKT	Việt Nam	Công ty Cổ phần Merufa	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên và phủ bột chống dính. Chiều dài: ≥ 230mm; các size. Độ giãn đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥ 650%; Sau già hóa: ≥ 500%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Chiều dài khoảng 240mm; Có tối thiểu 03 cỡ	50 đôi/hộp	Đôi	100,000
2	Găng tay khám	Găng tay latex Smile Glove		Việt Nam	Công ty Cổ phần Găng tay HTC	Chất liệu: Cao su tự nhiên; Chiều dài tối thiểu 240mm; Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0.09mm; Độ dày ngón tay tối thiểu 0.10mm; Độ dày cổ tay tối thiểu 0.08mm; Bề mặt ngoài trơn; Sức căng trước lão hoá tối thiểu 18Mpa, sau lão hoá tối thiểu 14Mpa; Độ giãn dài trước lão hoá tối thiểu 650%, sau lão hoá tối thiểu 500%; Hàm lượng Protein tối đa 100µg/dm ² ; Hàm lượng bột tối đa 10 mg/dm ² ; Độ kin khí (AQL) 2.5	50 đôi/hộp	Đôi	10,000
3	Găng tay phẫu thuật tiết trùng, có bột	Găng phẫu thuật tiết trùng	GPT	Việt Nam	Công ty Cổ phần Merufa	Găng tay được sản xuất từ nguyên liệu cao su thiên nhiên. Lượng protein có thể chiết xuất trong nước: max 100µg/dm ² , Lượng protein kháng nguyên: max 10g/dm ² . Tiết trùng bằng khí EO. Chiều dài min :280mm (lòng bàn tay và ngón tay nhám). Có tối thiểu 03 cỡ Độ dày ngón tay min: 0,14mm; Lòng bàn tay min: 0,12mm; Cổ tay min: 0,10mm. Độ giãn đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥ 800%; Sau già hóa: ≥ 600%.	50 đôi/hộp	Đôi	5,000
XI. Phần thấu Chuyên khoa									
1	Đè lưỡi gỗ	Que đè lưỡi gỗ TANAPHAR	ĐLG.TNP	Việt Nam	Công ty cổ phần Tanaphar	Sản phẩm dùng để khám miệng, lưỡi, họng, đã tiết trùng và chỉ dùng một lần, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân trước sự lây nhiễm của các bệnh nguy hiểm qua đường miệng. Kích thước: 150 x 20 x 2mm.	100 cái/hộp	Cái	2,000
2	Miếng cầm máu mũi	Miếng cầm máu mũi UNOPORE 8x1,5x2cm	UP801520	Thổ Nhĩ Kỳ	GENCO TIBBI Cihazlar San. Tic. Ltf. Sti	Chất liệu PVA kích thước 80x15x20mm, hình dạng giải phẫu phù hợp độ thấm hút cao, thấm hút gấp 25 lần trọng lượng của chính nó. Tiêu chuẩn ISO	20 cái/hộp	Miếng	50
XIII. Vật tư y tế ngoại khoa									
1	Túi camera tiết trùng	Túi camera vô trùng	TCMR	Việt Nam	Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại An Lành	1. Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2,2mm x60 cm 2. Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2,2mm x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; chứng nhận CE, GMP	1 cái/túi	Cái	200
2	Bàn chải phẫu thuật	Bàn chải phẫu thuật	BCM	Trung Quốc	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.	Kích thước: 4cm x 10 cm Chất liệu nhựa cứng y tế. Kiểu bàn chải một mặt. Thân bàn chải được sản xuất từ nhựa cứng. Đầu lông bàn chải mềm để dàng làm sạch các khe tay cho kỹ thuật viên trước khi phẫu thuật. Lông bàn chải mềm bằng chất liệu nylon. Không làm xước da sử dụng để vệ sinh tay trước khi mổ.	1 cái/túi	Cái	50
3	Băng bột bó	Băng bó bột 10cm x 2.7m	BBB2	Việt Nam	Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại An Lành	Mô tả: Kích thước 10cm x 2.7m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gác thấm. Khả năng thấm nước tốt, đồng kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn.	6 cuộn/túi	Cuộn	4,000



TT	Danh mục hàng hóa	Hàng hóa đề xuất					Đơn vị tính	Số lượng	
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản			Quy cách đóng gói
4	Gạc nội soi	Gạc phẫu thuật nội soi không dệt 7,5 x 7,5 x 6 lớp	Gạc PTNS	Việt Nam	An lành	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước < 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Độ ẩm: 5-6,5%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Độ pH: trung tính. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế -Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP		Túi/ Gói	200
5	Hemaloc(Loại to)	Clip Polymer kẹp mạch máu có răng chống trượt nhọn, gấp góc các cỡ ML, L, XL	IL; 0301-10L; 0	Anh	Grena	Chất liệu: polymer không tiêu. Dùng để kẹp các cấu trúc mô dạng ống hoặc mạch máu trong quá trình phẫu thuật để cầm máu khi cần sử dụng các clip không tiêu. - Kẹp được mạch máu cỡ 3 mm đến 16 mm. - Chiều dài chân clip ngoài lần lượt: 9,5-13-17,8mm. Độ dày chân clip: 0,83-1,29mm. Đường kính phần lõi của Clip khi đóng: 1,1-1,2-1,3mm, khi mở: 7,5-10,2-14mm - Có các răng nhọn - gấp góc hai bên sắp xếp so le nghiêng về phía mô bị kẹp. Kiểu khớp động	6 cái/vi; 20 vi/hộp	Cái	300

XIV. Phần thầu Sản

1	Bơm hút thai 1 van	Bơm hút thai 1 van	SVS-LF	Đài Loan	Pacific Hospital Supply Co., Ltd	Ống bơm có dung tích : 60cc - Áp lực hút: 609,6 – 660,4 mm Hg - Bơm có thể tái sử dụng đến 25 lần (nếu cho phép) - Ống hút dùng cho bơm là ống Flexible Karman Cannula cỡ 4mm – 6mm (FC4 – FC6) và ống EB 3mm - Trên ống có 6 chấm bắt đầu từ khoảng cách 6cm tính từ đầu ống, khoảng cách giữa các chấm là 1cm dùng để đo kích thước tử cung. - Bơm được làm bằng nhựa không latex	1 cái/túi	Cái	10
2	Kẹp rốn	Kẹp rốn MPV	KR	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100 cái/hộp	Cái	800
3	Ống hút thai	Ống hút điều kinh	OHDK	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Sản xuất bằng nhựa PVC hoặc tương đương - Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trơn láng không bavia. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	1 cái/túi	Cái	40



Phụ lục 2. DANH MỤC VẬT TƯ, HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO CHẠY THẬN NHÂN TẠO

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất			ĐVT	Số lượng
		Yêu cầu kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sx		
1	Catheter 2 nòng (chạy thận)	Chất liệu Polyurethane có ánh quang, kích thước 12F - 16cm, 20cm . 2 nòng		Trung quốc	Cái	10
2	Quả lọc NIPRO	<ul style="list-style-type: none"> Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên Cellulose triacetate . - Diện tích: 1,5 m2. - Thể tích mỗi: 90 ml. - Hệ số siêu lọc: 18 (mL/giờ/mmHg). - Độ dày thành sợi: 15 µm. - Vỏ quả lọc: Polypropylene - Độ thanh thải (Qb: 300ml/min): Ure: 270 ml/min Creatinine : 237 ml/min Phosphate: 201 ml/min Vitamin B12: 125 ml/min - Tiệt trùng: Tia Gamma - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC 	Nipro Corporation Odate Factory/ Nhật Bản	Nhật Bản	Quả	600
3	Bộ dây chạy thận thân nhận tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Dây được làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex. - Tổng chiều dài dây: dây tĩnh mạch 2725mm, dây động mạch 3685mm. Thể tích mỗi: 152ml - Bầu máu có công tắc tiêm thuốc linh hoạt. Kích thước bầu: 4.7x 7.0x 25mm. - Có túi Pillow ở dây động mạch, giúp phát hiện thiếu máu động mạch. - Kích cỡ dây phân tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): 8,25 x 12,55 x 410mm - Phù hợp với hầu hết các máy chạy thận - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485:2016 	Nipro (Thailand) Corporation Limited/ Thái Lan	Nhật Bản	Cái	650
4	Phin lọc khí	<ul style="list-style-type: none"> - Phin lọc khí kiểm soát áp lực giúp ngăn ngừa nhiễm chéo trên đường dịch. - Màng lọc ngăn vi khuẩn, vi rút với bộ lọc trong 0.1 microns. - Đóng gói riêng từng chiếc. 	Nipro (Thailand) Corporation Limited/ Thái Lan	Nhật Bản	Cái	650
5	Gạc thận nhân tạo, vô trùng(Gạc thận nhân tạo, vô trùng)	Đã tiệt trùng bằng E.O.GAS. Quy cách 3,5x 4,5cm x 80 lớp		Việt nam	Túi(30 miếng/ túi)	400
6	Kim chạy thận nhân tạo 16G (Kim chạy thận nhân tạo 16G)	<ul style="list-style-type: none"> * Kim (AVF canula) - Kim: thép không gỉ SUS 304 tiêu chuẩn y tế - Chiều dài kim: 25mm - Đường kính trong kim: 1,45mm - Đường kính ngoài kim: 1,60mm - Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt - Thành kim siêu mỏng phủ silicone *Dây gắn với kim (AVF Tube) - Dây nối mềm mại, bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không chứa PYROGENIC và không LATEX - Chiều dài dây nối: 300mm - Đường kính trong dây: 3,5mm - Đường kính ngoài dây: 5,5mm - Đầu nối với dây máu trong suốt làm từ Polycarbonate để quan sát - Cánh bướm xoay hình thoi. Trên cánh có gờ chống trượt anti-slip và cỡ kim in nổi - Đầu nối Luerlock - Kẹp dạng Robert Clamp mềm mại, chắc chắn - Tiệt trùng ETO - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC 	Nipro (Thailand) Corporation Limited/ Thái Lan	Nhật Bản	Cái	3

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất			ĐVT	Số lượng
		Yêu cầu kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sx		
7	Muối viên tinh khiết	Muối viên tinh khiết dùng tái sinh thiết bị lọc nước	Jay Shree Chamunda Chemical	Ấn độ	Tạ	2
8	Acid rửa quả lọc	- Thành phần, hàm lượng hoạt chất chính: + Peracetic acid: 4.5% + Hydrogen peroxide: 19.0%	Huons Meditech - Hàn Quốc	Hàn Quốc	Can (5l)	23
9	A Citric	Hàm lượng Acid Citric $\geq 99,5\%$		Trung quốc	Bao (25kg)	8
10	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc Haemo-A	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: $\geq 210,68$ g - Kali clorid: $\geq 5,22$ g - Calci clorid.2H ₂ O: $\geq 9,00$ g - Magnesi clorid.6H ₂ O: $\geq 3,56$ g - Acid acetic băng: $\geq 6,31$ g - Dextrose monohydrat: $\geq 38,50$ g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 vừa đủ: 1.000 ml - Tỷ lệ sử dụng Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc A (Acid) : Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc B (Bicarbonat) : Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 = 1:1,225:32,775 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Sử dụng tương thích với dịch B (Bicarbonat) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	Công ty TNHH Aeonmed Việt Nam	Việt Nam	Can (10l)	30
11	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc Haemo-B	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: $\geq 84,0$ g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 vừa đủ: 1.000 ml - Tỷ lệ sử dụng Dung dịch A : Dung dịch B : Nước RO = 1:1,225:32,775 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Sử dụng tương thích với dịch A (Acid) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	Công ty TNHH Aeonmed Việt Nam	Việt Nam	Can (10l)	35
12	PP Filte (Lõi lọc của máy Ro)	Lõi lọc polypropylene dạng sợi nén, kích thước lõi thẩm thấu : 05 micron. Quy cách lõi lọc ≥ 62 mm, dài 508,		Hàn Quốc	Cái	4
13	Lõi lọc của máy Ro	Lõi lọc polypropylene dạng xếp trong khung nhuwajPE. Kích thước lõi thẩm thấu : 0,2 microm. Quy cách lõi lọc ≥ 62 mm, dài 508mm		Hàn Quốc	Cái	4
14	Nhiệt kế tủ bảo ôn	Đo nhiệt độ		Việt nam	Cái	2
15	Que thử độ cứng của nước	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016 hoặc tương đương.		Mỹ	Lọ(100que)	4
16	Que thử hàm lượng Clo	Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian nhúng và đọc kết quả: 30 giây Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016 hoặc tương đương.		Mỹ	Lọ(100que)	2
17	Que thử nồng độ axit peracetic	Dùng để thử "hiệu lực"; "hiệu năng" hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016 hoặc tương đương.		Mỹ	Lọ(100que)	3



Phụ lục 3. DANH MỤC HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY SINH HÓA MONARCH-400

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất			ĐVT	Số lượng	
		Tên thương mại	Xuất xứ	Quy cách			Thông số kỹ thuật
1	Thuốc thử xét nghiệm Urea UV	Urea UV	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL / 4x20mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea. Thành phần thuốc thử: R1: TRIS-Buffer pH 8,0 49 mmol/L EDTA 5,8 mmol/L 2-Oxoglutarate 2,4 mmol/L ADP 2,9 mmol/L Urease ≥ 9 kU/l Glutamate dehydrogenase GLDH $\geq 0,7$ kU/l Detergent and Stabilizer R2: NADH 2,1 mmol/L CAPS pH 9,6 85 mmol/L	Hộp	8
2	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Glucose GOD PAP	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose. Thành phần thuốc thử: R1: Phosphate Buffer pH 7.5 96 mmol/L Phenol 5 mmol/L Potassiumhexacyanoferrat 7 μ mol/L 4-Aminoantipyrine 360 μ mol/L Glucoseoxidase GOD ≥ 20 kU/l Peroxidase POD $\geq 1,5$ kU/l Detergent and Stabilizer $\leq 0,1$ %	Hộp	8
3	Thuốc thử xét nghiệm Protein Total	Total Protein Biuret Mono	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Protein. Thành phần thuốc thử: R1: Potassium sodium tartrate 17 mmol/L EDTA 7 mmol/L Sodium hydroxide 1,25 mol/L Copper sulfate 12 mmol/L Potassium iodide 30 mmol/L	Hộp	1
4	Thuốc thử xét nghiệm Creatinine	Creatinine JK	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL / 4x20mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine. Thành phần thuốc thử: R1: Sodium Hydroxide 160 mmol/L Disodiumhydrogenphosphate 6,7 mmol/L R2: Picrid Acid 20 mmol/L	Hộp	8



STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất			ĐVT	Số lượng
		Tên thương mại	Xuất xứ	Quy cách		
5	Thuốc thử xét nghiệm GOT-AST	ASAT/ GOT IFCC	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL / 4x20mL	Hộp	8
6	Thuốc thử xét nghiệm ALT-GPT	ALAT/ GPT IFCC	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL / 4x20mL	Hộp	8
7	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Cholesterol CHOD-PAP	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL	Hộp	8

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất				ĐVT	Số lượng
		Tên thương mại	Xuất xứ	Quy cách	Thông số kỹ thuật		
8	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerides	Triglycerides GPO-PAP	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride. Thành phần thuốc thử: R1: PIPES pH 7,0 40 mmol/L 4-Chlorphenol 5,4 mmol/L ATP 1,6 mmol/L Mg2+ 4,6 mmol/L Glycerokinase GK $\geq 0,8$ kU/l Peroxidase POD $\geq 0,8$ kU/l Lipoproteinlipase LPL ≥ 2 kU/l 4-Aminoantipyrine 0,29 mmol/L Glycerol-3-phosphatoxidase GPO $\geq 3,0$ kU/l Detergent and Stabilizer	Hộp	8
9	Thuốc thử xét nghiệm HDL Direct	HDL-Cholesterol Direct	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x60mL / 4x20mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol. Thành phần thuốc thử: R1: MES buffer, pH 6.5 N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methyl-aniline TODB Polyvinyl sulfonic acid Polyethylene-glycol-methyl ester MgCl2 EDTA Detergent R2: MES buffer, pH 6.5 Cholesterolesterase Cholesteroxidase Peroxidase 4-Aminoantipyrine Detergent	Hộp	2



STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất			ĐVT	Số lượng
		Tên thương mại	Xuất xứ	Quy cách		
10	Thuốc thử xét nghiệm LDL Direct	LDL-Cholesterol Direct	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x60mL / 4x20mL	Hộp	2
11	Thuốc thử xét nghiệm Calcium OCPC	Calcium Arsenazo	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL	Hộp	1
12	Thuốc thử xét nghiệm Uric Acid	Uric Acid Uricase-PAP Mono	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất				ĐVT	Số lượng
		Tên thương mại	Xuất xứ	Quy cách	Thông số kỹ thuật		
13	Thuốc thử xét nghiệm Amylase	Amylase Total IFCC	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	2x66mL / 2x14mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase. Thành phần thuốc thử: R1: PIPES pH 7,1 57 mmol/L NaCl 86 mmol/L CaCl ₂ 1 mmol/L α -Glucosidase \geq 4 kU/l R2: HEPES pH 7,2 100 mmol/L NaCl 50 mmol/L MgCl ₂ 9 mmol/L Ethylidene-p-nitrophenyl-maltoheptaoside EPS-G7 11 mmol/L	Hộp	1
14	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin direct	Bilirubin Direct DC	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL / 4x20mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp. Thành phần thuốc thử: R1: Urea 174 mmol/L HCl 143 mmol/L Detergent and Stabilizer R2: 3,5 Dichlorophenyldiazoniumsalt 0,23 mmol/L HCl 249 mmol/L	Hộp	1
15	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin total	Bilirubin Total DC	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL / 4x20mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin. Thành phần thuốc thử: R1: Lithiumdodecylsulfate 44 mmol/L EDTA 6,4 mmol/L Coffeine 61 mmol/L R2: Lithiumdodecylsulfate 36 mmol/L 3,5-Dichlorophenyldiazoniumsalt DC 0,9 mmol/L Lithiumacetat 15 mmol/L	Hộp	1

P
 T
 E
 M
 Đ

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất				ĐVT	Số lượng
		Tên thương mại	Xuất xứ	Quy cách	Thông số kỹ thuật		
16	Thuốc thử xét nghiệm Gamma GT	GGT IFCC	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	4x100mL / 4x20mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT. Thành phần thuốc thử: R1: Tris 120 mmol/L Glycylglycine 150 mmol/L R2: Pipes pH 5,1 180 mmol/L L-Gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitro-anilide 19 mmol/L	Hộp	1
17	CK	CK IFCC	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	2x100mL / 2x20mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK. Thành phần thuốc thử: R1: Imidazole pH 8,0 44 mmol/L D-Glucose 31 mmol/L EDTA 2 mmol/L Hexokinase HK > 8 kU/l Creatine phosphate 45 mmol/L ADP 4 mmol/L Glucose-6-phosphate dehydrogenase G-6-PDH > 3 U/l Diadenosine pentaphosphate 21 µmol/L AMP 6 mmol/L R2: Tris pH 3,8 119 mmol/L N-Acetyl-L-Cysteine 69 mmol/L Magnesium acetate 46 mmol/L NADP 44 mmol/L	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất				ĐVT	Số lượng
		Tên thương mại	Xuất xứ	Quy cách	Thông số kỹ thuật		
18	CKMB	CK-MB IFCC	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	2x100mL / 2x20mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần thuốc thử: R1: Imidazole pH 8,0 44 mmol/L D-Glucose 31 mmol/L EDTA 2,5 mmol/L Hexokinase > 8 kU/l Creatine phosphate 45 mmol/L ADP 4 mmol/L G-6-PDH > 3 U/l Diadenosine 21 µmol/L AMP 6 mmol/L Anti-human monoclonal CK-M antibody (sheep) sufficient to inhibit up to 2 kU/l of CK-MM at 37 °C Detergent and Stabilizer R2: Tris pH 3,8 119 mmol/L N-Acetyl-L-Cysteine 69 mmol/L Magnesium acetate 46 mmol/L NADP 44 mmol/L	Hộp	1
19	Dung dịch rửa máy	Alkaflush-VD	Greiner Diagnostics GmbH / Đức	1x2000ml	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa. Thành phần thuốc thử: Sodium hydroxide < 5 % Non-ionic stabilizer < 0.1 %	Can	5
20	Hóa chất XN Alcohol	Alcohol ADH	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	2x60/2x15mL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin. Thành phần thuốc thử: R1: Buffer: pH 9.0 (300 mmol/L) R2: Buffer: pH 6.6 (40 mmol/L) NAD ≥ 10 mmol/L Alcohol dehydrogenase (ADH) ≥ 200 kU/L	Hộp	2
21	QC Control Alcohol	Ethyl Alcohol Control	Gesan Production S.r.l - Ý	1x10ml	Sử dụng để hiệu chuẩn chính xác và xác định định lượng Cồn	Hộp	1
22	Hoá chất chuẩn máy sinh hoá	DutchCal - M Multicalibrator	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	1x3mL	Huyết thanh hiệu chuẩn	Lọ	1
23	Hoá chất kiểm chuẩn máy sinh hoá Level 1	DutchTrol - N Multicontrol	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	1x5mL	Huyết thanh kiểm soát để định lượng mức bình thường cho các xét nghiệm sinh hóa	Lọ	1



STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất				ĐVT	Số lượng
		Tên thương mại	Xuất xứ	Quy cách	Thông số kỹ thuật		
24	Hoá chất kiểm chuẩn máy sinh hoá Level 2	DutchTrol - P Multicontrol	Dutch Diagnostics B.V/ Hà Lan	1x5mL	Huyết thanh kiểm soát để định lượng mức bệnh lý cho các xét nghiệm sinh hóa	Lọ	1



Phụ lục 4. DANH MỤC HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY SINH HÓA AU480

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất							Đơn vị tính	Số lượng
		Tên thương mại	Thông số kỹ thuật/ Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất/ Xuất xứ	Quy cách đóng gói		
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng albumin	ALBUMIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin; Thành phần: Succinate buffer (pH 4,2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0,2 mmol/L; Phương pháp: Bromocresol Green; Dải tuyến tính: 15 – 60 g/L (1,5 – 6,0 g/dL); Bước sóng: 600 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 3%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 17 test	OSR6102	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x29ml/Hộp	Hộp	3
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp	DIRECT BILIRUBIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp; Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0,08 mmol/L; Phương pháp: DPD; Dải đo: 0,9 – 171 μmol/L (0,05 – 10 mg/dL); Bước sóng: 570 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 7,5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	OSR6211	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x20ml+4x20 ml/Hộp	Hộp	2
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần	TOTAL BILIRUBIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần; Thành phần: Cafein 2,1 mmol/L; 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborat 0,31 mmol/L; Chất hoạt động bề mặt; Phương pháp: DPD; Dải tuyến tính: 0,5–513 μmol/L (0,03–30 mg/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	OSR6212	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x40ml+4x40 ml/Hộp	Hộp	2
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinin	CREATININE	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Thành phần: Natri hidroxit 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L; Phương pháp: Jaffé method; Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương: Phương pháp A: 5 – 2200 μmol/L (0,06 – 25,0 mg/dL); Phương pháp B: 18 – 2200 μmol/L (0,2 – 25,0 mg/dL), Nước tiểu: 88 – 35360 μmol/L (1 – 400 mg/dL); Bước sóng: 520 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	OSR6178	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x51ml+4x51 ml/Hộp	Hộp	12

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất							Đơn vị tính	Số lượng
		Tên thương mại	Thông số kỹ thuật/ Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất/ Xuất xứ	Quy cách đóng gói		
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cholesterol	CHOLESTEROL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol; Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L); Peroxidase ≥ 10 kU/L (166,7 μ kat/L); Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,5 – 18,0 mmol/L (20 – 700 mg/dL); Bước sóng: 540 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại CV $\leq 3\%$ Độ chụm toàn phần: CV $\leq 3\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test	OSR6116	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x22.5ml/Hộp	Hộp	12
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK	CK (NAC)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK; Thành phần: Imidazole (pH 6,5, 37°C) 100 mmol/L; NADP 2,0 mmol/L; ADP 2,0 mmol/L; AMP 5,0 mmol/L; EDTA 2,0 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; N-acetylcysteine 0,2 mmol/L; Activator 26 mmol/L; Mg ²⁺ 10 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate 0,01 mmol/L; HK $\geq 4,0$ kU/L; G6P-DH $\geq 2,8$ kU/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 10 – 2000 U/L (0,17 – 33,33 μ kat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	OSR6279	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x44ml+4x8ml+4x13ml/Hộp	Hộp	2
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT	GGT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT; Thành phần: Glycylglycine, pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 5 - 1200 U/L (0,08 – 20,00 μ kat/L); Bước sóng: 410 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test	OSR6120	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x40ml+4x40ml/Hộp	Hộp	2
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng glucose	GLUCOSE	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP ≥ 2 mmol/L; NAD ⁺ $\geq 1,32$ mmol/L; Mg ²⁺ 2,37 mmol/L; Hexokinase $\geq 0,59$ kU/L; G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L; Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method); Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương/ dịch não tủy: 0,6 – 45,0 mmol/L, Nước tiểu: 0,2 – 45 mmol/L; Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy; Độ lặp lại: CV $\leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 5\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test	OSR6221	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x53ml+4x27ml/Hộp	Hộp	18

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất							Đơn vị tính	Số lượng
		Tên thương mại	Thông số kỹ thuật/ Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất/ Xuất xứ	Quy cách đóng gói		
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Thành phần: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH $\geq 0,9$ kU/L; MDH $\geq 0,6$ kU/L; NADH 0,2mmol/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 1000 U/L (0,05 – 16,7 μ kat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	OSR6109	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x25ml+4x25 ml/Hộp	Hộp	14
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Thành phần: Tris buffer pH 7,15 (37°C) 100mmol/L; L-Alanine 500mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH 1,8kU/L; NADH 0,2mmol/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 500 U/L (0,05 – 8,33 μ kat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	OSR6107	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x50ml+4x25 ml/Hộp	Hộp	14
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	HDL-CHOLESTEROL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol; Thành phần: Kháng thể kháng β -lipoprotein ở người; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; Dung dịch đệm Good's (pH 7) 30 mmol/L; N-Ethyl - N - (2-hydroxy-3-sulfopropyl) - 3,5- dimethoxy - 4 fluoroaniline (F-DAOS) 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L; Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,05 - 4,65 mmol/L (2 -180 mg/dL); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq 3,0\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 4,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	OSR6287	3822	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản	Nhật Bản	4x51.3ml+4x17.1ml/Hộp	Hộp	14
12	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	HDL-CHOLESTEROL CALIBRATOR	Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người); Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	ODC0011	3822	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản	Nhật Bản	2x3ml/Hộp	Hộp	7
13	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol	HDL/LDL CHOLESTEROL CONTROL SERUM	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); Chất kiểm chứng 2 mức; Các giá trị có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL và LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	ODC0005	3822	SERO AS, Na Uy	Na Uy	1x5ml/Lọ	Lọ	54

UN
Y T
ANH
3 *

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất							Đơn vị tính	Số lượng
		Tên thương mại	Thông số kỹ thuật/ Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất/ Xuất xứ	Quy cách đóng gói		
14	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	LDL-CHOLESTEROL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol; Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; Peroxidase 4,9 IU/mL; Natri azit 0,1%; Dung dịch đệm của Good (pH 6,8) 25 mmol/L; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L; Catalase 743 IU/mL; HDAOS 0,47 mmol/L; Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,26 - 10,3 mmol/L (10 - 400 mg/dL); Bước sóng: 600 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	OSR6283	3822	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản	Nhật Bản	4x51.3ml+4x17.1ml/Hộp	Hộp	18
15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	LDL-CHOLESTEROL CALIBRATOR	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người); Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	ODC0012	3822	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản	Nhật Bản	2x1ml/Hộp	Hộp	7
16	Thuốc thử xét nghiệm định lượng protein toàn phần	TOTAL PROTEIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Natri hydroxyd 200 mmol/L; Kali natri tartrat 32 mmol/L; Đồng sulphat 18,8 mmol/L; Kali iodid 30 mmol/L; Phương pháp: Photometric; Dải tuyến tính: 30-120 g/L (3-12 g/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	OSR6132	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x25ml+4x25ml/Hộp	Hộp	3
17	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglyceride	TRIGLYCERIDE	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,5) 50 mmol/L; Mg ²⁺ 4,6 mmol/L; MADB 0,25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,5 mmol/L; ATP 1,4 mmol/L; Lipases 1,5 kU/L (25 μkat/L); Glycerol kinase 0,5 kU/L (8,3 μkat/L); Peroxidase 0,98 kU/L (16,3 μkat/L); Ascorbate oxidase 1,48 kU/L (24,6 μkat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1,48 kU/L (24,6 μkat/L); Phương pháp: Enzym; Dải tuyến tính: 0,1 - 11,3 mmol/L (10 - 1000 mg/dL); Bước sóng: 660 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test	OSR61118	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x50ml+4x12.5ml/Hộp	Hộp	14

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất							Đơn vị tính	Số lượng
		Tên thương mại	Thông số kỹ thuật/ Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất/ Xuất xứ	Quy cách đóng gói		
18	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ure	UREA/UREA NITROGEN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê; Thành phần: "Đệm Tris 100 mmol/L; NADH \geq 0,26 mmol/L; Tetra Natri diphosphat 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarat \geq 9,8 mmol/L; Urease \geq 17,76 kU/L; ADP \geq 2,6 mmol/L; GLDH \geq 0,16 kU/L.; Phương pháp: GLDH, đo UV động học; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 5–300 mg/dL (0,8–50,0 mmol/L) Nước tiểu: 60–4500 mg/dL (10-750 mmol/L); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV \leq 5%; Độ chụm toàn phần CV \leq 10%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 9 test	OSR6234	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x53ml+4x53 ml/Hộp	Hộp	12
19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng acid uric	URIC ACID	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Thành phần: Đệm phosphat (pH 7,5) 42 mmol/L; MADB 0,15 mmol/L; 4-Aminophenazon 0,30 mmol/L; Peroxidase \geq 5,9 kU/L (98 μ kat/L); Uricase \geq 0,25 kU/L (4,15 μ kat/L); Ascorbat Oxidase \geq 1,56 kU/L (26 μ kat/L); Phương pháp: Uricase; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 1,5–30 mg/dL (89–1785 μ mol/L), Nước tiểu: 2–400 mg/dL (119–23800 μ mol/L); Bước sóng: 660nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV \leq 3%; Độ chụm toàn phần: CV \leq 5,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 11 test	OSR6198	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x30ml+4x12.5ml/Hộp	Hộp	5
20	Thuốc thử xét nghiệm định lượng α -Amylase	α -AMYLASE	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α -amylase; Thành phần: MES (pH 6,05) 36,1 mmol/L; Canxi axetat 3,60 mmol/L; NaCl 37,2 mmol/L; Kali thiocyanate 253 mmol/L; CNPG3 1,63 mmol/L; Phương pháp: CNPG3; Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương: 10 – 2000 U/L (0,2 – 33,3 μ kat/L), Nước tiểu: 5 – 4800 U/L (0,1 – 80 μ kat/L); Bước sóng: 410 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV \leq 5,0%; Độ chụm toàn phần: CV \leq 10,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	OSR6106	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x40ml/Hộp	Hộp	5
21	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-MB	CK-MB	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB; Thành phần: Dung dịch đệm imidazole (pH 6,7) 100 mmol/L; Diadenosine-pentaphosphate 0,01 mmol/L; Hexokinase (HK) \geq 4 kU/L; EDTA 2 mmol/L; NADP 2 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; G6P-DH \geq 2,8 kU/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; ADP 2 mmol/L; N-Acetylcysteine 0,2 mmol/L; Mg-Acetate 10 mmol/L; Chất hoạt hóa 26 mmol/L; AMP 5 mmol/L; Kháng thể kháng tiểu đơn vị CK-M; Phương pháp: Ưc chế miễn dịch enzym; Dải tuyến tính: 10 – 2000 U/L (0,17 – 33,33 μ kat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV \leq 5%; Độ chụm toàn phần: CV \leq 6,5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	OSR61155	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	2x22ml+2x4ml+2x6ml/Hộp	Hộp	5

PH
TÀI
Ế
MIỆ
Đ

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất							Đơn vị tính	Số lượng
		Tên thương mại	Thông số kỹ thuật/ Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất/ Xuất xứ	Quy cách đóng gói		
22	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CK-MB	CK-MB CALIBRATOR	Chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa isoenzym creatine kinase-MB; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method	ODR30034	3822	Aalto Scientific Ltd., Mỹ	Mỹ	1x1ml/Lọ	Lọ	4
23	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng CK-MB	CK-MB CONTROL SERUM LEVEL 1	Vật liệu kiểm soát mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa isoenzym creatin kinase-MB (CK-MB); Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method	ODR30035	3822	Aalto Scientific Ltd., Mỹ	Mỹ	1x2ml/Lọ	Lọ	7
24	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng CK-MB	CK-MB CONTROL SERUM LEVEL 2	Vật liệu kiểm soát mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa isoenzym creatin kinase-MB (CK-MB); Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method	ODR30036	3822	Aalto Scientific Ltd., Mỹ	Mỹ	1x2ml/Lọ	Lọ	7
25	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ca (Calci) toàn phần	CALCIUM ARSENAZO	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng canxi toàn phần; Thành phần: Imidazol (pH 6,9); Arsenazo III 0,02%; Phương pháp: Arsenazo III; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 1 – 5 mmol/L (4 – 20 mg/dL); Nước tiểu: 0,1 – 10 mmol/L (0,4 – 40 mg/dL); Bước sóng: 660 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại $\leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: $\leq 4\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 32 test	OSR61117	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x29ml/Hộp	Hộp	2
26	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fe (Sắt)	IRON	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt; Thành phần: Dệm glycin (pH 1,7) 215 mmol/L; L-ascorbic acid 4,7 mmol/L; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine 0,5 mmol/L; Phương pháp: TPTZ; Dải tuyến tính: 2 – 179 $\mu\text{mol/L}$ (10 – 1000 $\mu\text{g/dL}$); Bước sóng: 600 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 3,0\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 5,0\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	OSR6186	3822	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x15ml+4x15 ml/Hộp	Hộp	2
27	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 25 thông số hóa sinh	SYSTEM CALIBRATOR	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy; Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật: Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, CK-NAC, GGT, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Protein toàn phần, Triglycerid, UIBC, Ure, Uric Acid, Bilirubin, Phospho vô cơ, Calci, Sắt, Magnesi	66300	3822	Bio-Rad Laboratories Inc., Mỹ	Mỹ	1x5ml/Lọ	Lọ	54

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất							Đơn vị tính	Số lượng
		Tên thương mại	Thông số kỹ thuật/ Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất/ Xuất xứ	Quy cách đóng gói		
28	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 32 thông số hóa sinh	CONTROL SERUM 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, LDH,; Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein,; UIBC, Urea & Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1.	ODC0003	3822	Bio-Rad Laboratories Inc., Mỹ	Mỹ	1x5ml/Lọ	Lọ	70
29	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 32 thông số hóa sinh	CONTROL SERUM 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, LDH, Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein, UIBC, Urea, Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1	ODC0004	3822	Bio-Rad Laboratories Inc., Mỹ	Mỹ	1x5ml/Lọ	Lọ	70
30	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	Wash Solution	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%.	ODR2000	3402	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	1x5l/Can	Can	27
31	Ống dây bơm bằng cao su lưu hoá dùng cho máy xét nghiệm hoá sinh.	Roller Tube	Dùng để bơm dung dịch tẩy, rửa hoặc dung dịch ISE. Làm bằng vật liệu nhựa và cao su. Tổng chiều dài 10,7 cm (+/- 0,2 cm), chiều dài cao su: 8,8 cm (+/- 0,2 cm), đường kính 0,5 cm (+/- 0,1 cm).	MU962300	4014	Trung Quốc	Trung Quốc	2 cái/Túi	Túi	4
32	Xi lanh hút dịch dùng cho máy xét nghiệm hoá sinh.	S Syringe	Dùng để phân phối và hút một lượng mẫu chính xác. Làm bằng thủy tinh, nhựa, kim loại. Chiều dài 8,9 cm (+/- 0,1 cm). Đường kính piston (phần kim loại): 2,0 mm (+/- 0,2 mm).	ZM011100	8481	Nhật Bản	Nhật Bản	1 cái	Cái	2
33	Xi lanh dùng cho máy xét nghiệm hoá sinh.	R Syringe	Dùng để phân phối và hút một lượng chính xác thuốc thử/ dung dịch đệm ISE. Làm bằng thủy tinh, nhựa và vật liệu kim loại, dài 8,9 cm (+/- 0,1 cm). Đường kính piston (phần kim loại): 5,0 mm (+/- 0,2 mm).	ZM011200	8481	Nhật Bản	Nhật Bản	1 Chiếc	Chiếc	2
34	Khối kim hút mẫu dùng cho máy xét nghiệm hóa sinh	Sample Probe	Dùng để hút và phân phối mẫu. Làm bằng kim loại, phủ lớp chống dính. Chiều dài 19,5 cm (+/- Đường kính thân dài: 2,4 mm (+/- 0,2 mm).	MU993400	9033	Nhật Bản	Nhật Bản	1 chiếc	Chiếc	2
35	Khối kim hút mẫu dùng cho máy xét nghiệm hóa sinh.	Reagent Probe	Được làm bằng kim loại phủ lớp chống dính, Dùng để phân phối, hút thuốc thử. Chiều dài 19,5cm (+/-0,2cm), đường kính thân dài 3,5mm (+/-0,2mm)	MU995800	9033	Nhật Bản	Nhật Bản	1 chiếc	Chiếc	2

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất							Đơn vị tính	Số lượng
		Tên thương mại	Thông số kỹ thuật/ Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất/ Xuất xứ	Quy cách đóng gói		
36	Bóng đèn halogen dùng cho máy xét nghiệm hoá sinh, 12V 20W.	Photometer Lamp, 12V 20W	Bóng đèn quang học, nguồn sáng, cho đèn trắc quang, 12Vdc 20W. Làm bằng kim loại, thủy tinh, nhựa.	MU988800	8539	Nhật Bản	Nhật Bản	1 cái	Cái	9
37	Thuốc thử xét nghiệm định lượng P (Phospho) vô cơ	INORGANIC PHOSPHOROUS	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng photpho vô cơ; Thành phần: Sulphuric acid 200 mmol/L; Ammoniumheptamolybdate 0,35 mmol/L; Glycine 50 mmol/L; Phương pháp: Đo quang UV; Dải tuyến tính: Huyết thanh 0,32–6,4 mmol/L (1–20 mg/dL); Nước tiểu: 3 – 113 mmol/L (9,3 – 350 mg/dL); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	OSR6122		Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x15ml+4x15 ml	Hộp	1
38	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fe (Sắt)	IRON	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt; Thành phần: Dệm glycin (pH 1,7) 215 mmol/L; L-ascorbic acid 4,7 mmol/L; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine 0,5 mmol/L; Phương pháp: TPTZ; Dải tuyến tính: 2 – 179 µmol/L (10 – 1000 µg/dL); Bước sóng: 600 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	OSR6186		Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x15ml+4x15 ml	Hộp	2
39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Magnesi	MAGNESIUM	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng magiê; Thành phần: Acid ε-Amino-n Caproic 450 mmol/L; Tris 100 mmol/L; Acid Glycoetherdiamine-N,N,N',N' tetraacetic 0,12 mmol/L; Xanh Xylidyl 0,18 mmol/L; Phương pháp: Xanh Xylidyl; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 0,2–3,3 mmol/L (0,5–8,0 mg/dL); Nước tiểu 0,2 - 7,8 mmol/L (0,5 - 18,9 mg/dL); Bước sóng: 520nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại CV ≤ 3,0%, ; Độ chụm toàn phần CV ≤ 5,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	OSR6189		Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Ai-len	4x40ml	Hộp	1
40	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 17 thông số sinh hóa	ITA CONTROL SERUM LEVEL 1	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin; α-1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β-2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin	ODC0014	3822	Cliniq Corporation, Mỹ	Mỹ	1x2ml	Lọ	2

STT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất							Đơn vị tính	Số lượng
		Tên thương mại	Thông số kỹ thuật/ Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký, mã hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất/ Xuất xứ	Quy cách đóng gói		
41	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 17 thông số sinh hóa	ITA CONTROL SERUM LEVEL 2	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin	ODC0015	3822	Cliniqa Corporation, Mỹ	Mỹ	1x2ml	Lọ	2
42	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 17 thông số sinh hóa	ITA CONTROL SERUM LEVEL 3	Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin	ODC0016	3822	Cliniqa Corporation, Mỹ	Mỹ	1x2ml	Lọ	2
43	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	CRP LATEX	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao; Thành phần: Glycine buffer 100 mmol/L; Latex, phủ kháng thể kháng CRP < 0,5% w/v; Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục; Dải tuyến tính: Ứng dụng bình thường: 0,2–480 mg/L, Ứng dụng độ nhạy cao: 0,08–80 mg/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV \leq 6%; Độ chụm toàn phần: CV \leq 10%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test	OSR6199	3822	Denka Co., Ltd., Nhật Bản	Nhật Bản	4x30ml+4x30 ml	Hộp	3
44	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	CRP LATEX CALIBRATOR HIGHLY SENSITIVE (HS) SET	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục	ODC0027	3822	Denka Co., Ltd., Nhật Bản	Nhật Bản	5x2ml	Hộp	2



Phụ lục 5. DANH MỤC HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY MIỀN DỊCH-HUYẾT HỌC-MÁY NƯỚC TIỂU

TT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất					DVT	Số lượng
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Tên nhà sản xuất/Chủ sở hữu/ Xuất xứ	Quy cách sản phẩm	Thông số kỹ thuật		
I. HÓA CHẤT MIỀN DỊCH SỬ DỤNG CHO MÁY VIDAS								
1	Bộ xét nghiệm định lượng CA 125	VIDAS CA 125 II	30426	Biomerieux SA - Pháp	Hộp/ 30 test	Xét nghiệm định lượng kháng nguyên OC 125 trong huyết thanh hoặc huyết tương người, sử dụng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme)	Test	90
2	Bộ xét nghiệm định lượng CA 15-3	VIDAS CA 15-3	30429	Biomerieux SA - Pháp	Hộp/ 30 test	Xét nghiệm định lượng CA 15-3 trong huyết thanh hoặc huyết tương người, sử dụng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme)	Test	90
3	Bộ xét nghiệm định lượng FT3	VIDAS FT3	30402	Biomerieux SA - Pháp	Hộp/ 60 test	Xét nghiệm định lượng triiodothyronin tự do (FT3) trong huyết thanh hoặc huyết tương người, sử dụng kỹ thuật ELFA (Phân tích huỳnh quang liên kết enzym).	Test	240
4	Bộ xét nghiệm định lượng FT4	VIDAS FT4	30459	Biomerieux SA - Pháp	Hộp/ 60 test	Xét nghiệm định lượng thyroxine tự do (FT4) trong huyết thanh hoặc huyết tương người, sử dụng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme).	Test	240
5	Bộ xét nghiệm định lượng TSH	VIDAS TSH	30400	Biomerieux SA - Pháp	Hộp/ 60 test	Xét nghiệm định lượng xác định hormon kích tuyến giáp trong huyết thanh hoặc huyết tương người bằng miễn dịch enzym, sử dụng kỹ thuật ELFA (phân tích huỳnh quang liên kết enzym).	Test	240
6	Bộ xét nghiệm định lượng HCG	VIDAS HCG	30405	Biomerieux SA - Pháp	Hộp/ 60 test	Xét nghiệm định lượng Gonadotropin nhau thai người trong huyết thanh hoặc huyết tương người, sử dụng kỹ thuật ELFA (Phân tích huỳnh quang liên kết enzym)	Test	300
7	Xét nghiệm định lượng Troponin I độ nhạy cao	VIDAS High sensitive Troponin I (TNHS)	415386	Biomerieux SA - Pháp	Hộp/ 60 test	Xét nghiệm định lượng troponin I tim trong huyết thanh hoặc huyết tương người bằng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme)	Test	420
8	Bộ xét nghiệm định lượng Ferritin	VIDAS Ferritin	30411	Biomerieux SA - Pháp	Hộp/ 60 test	Xét nghiệm định lượng Ferritin trong huyết thanh hoặc huyết tương của người sử dụng kỹ thuật ELFA (Xét Nghiệm Huỳnh Quang Liên Kết Enzyme)	Test	180
9	Bộ xét nghiệm định lượng NT-proBNP2	VIDAS NT-proBNP2	30458	Biomerieux SA - Pháp	Hộp/ 60 test	Xét nghiệm định lượng đoạn đầu N của peptide natri lợi niệu loại não trong huyết thanh hoặc huyết tương của người (lithium và natri heparin) bằng kỹ thuật ELFA (xét nghiệm huỳnh quang liên kết enzyme)	Test	180
II. TEST NƯỚC TIỂU SỬ DỤNG CHO MÁY CYBOW								
1	Que thử phân tích nước tiểu 11 thông số	Que thử nước tiểu dùng cho máy phân tích nước tiểu, chủng loại Cybow - 11		DFI Co.,Ltd-Hàn Quốc	Hộp 100 test	Chẩn đoán 11 thành phần trong nước tiểu, đóng gói phù hợp gồm 100 que trong 1 lọ, Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số CYBOW.	Test	30,000
2	Chất chuẩn máy nước tiểu	Liquid urine control		Acon Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. - Trung Quốc	2x5mL	Dung dịch chứng Liquid urine control là một xét nghiệm kiểm chuẩn được sử dụng để kiểm tra độ chính xác của kết quả phân tích nước tiểu khi đọc bằng mắt thường hoặc bằng máy phân tích. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số CYBOW (Hộp 2 x 5ml)	Hộp	5
III. Hóa chất huyết học cho máy XP-100, XN-330								



TT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất					DVT	Số lượng
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Tên nhà sản xuất/Chủ sở hữu/ Xuất xứ	Quy cách sản phẩm	Thông số kỹ thuật		
1	Hoá chất ly giải hồng cầu	Stromatolyser-WH (SWH-200A)		Sysmex Asia Pacific Pte Ltd - Singapore	500mLx3	Thuốc thử ly giải hồng cầu, được sử dụng để xác định chính xác số lượng bạch cầu, phân tích sự phân bố theo kích thước của 3 thành phần bạch cầu và đo hàm lượng hemoglobin. Lưu trữ ở nhiệt độ 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Thành phần: Organic quaternary ammonium salt (Muối ammonium bậc 4 hữu cơ) 8,5g/L, Sodium chloride 0.6g/L, không chứa hợp chất cyanide hoặc hợp chất azide.	Hộp	25
2	Dung dịch đếm hồng cầu	Sulfolyser (SLS-210A)		Sysmex Asia Pacific Pte Ltd - Singapore	500mLx3	Thuốc thử xác định nồng độ hemoglobin trong máu. Lưu trữ ở nhiệt độ từ 1 - 30 độ C. Sau khi mở nắp, thuốc thử ổn định trong 60 ngày. Thành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1.7 g/L	Hộp	6
3	Dung dịch pha loãng	Cellpack (PK-30L)		Sysmex Asia Pacific Pte Ltd - Singapore	20Lx1	Chất pha loãng máu toàn phần sử dụng cho máy phân tích huyết học. Bảo quản ở nhiệt độ 1 - 30 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thành phần: Sodium Chloride 6.38 g/l, Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0.2 g/l, EDTA-2K 0.2 g/l	Thùng	70
4	Dung dịch pha loãng	Cellpack DCL (DCL-300A)		Sysmex Asia Pacific Pte Ltd - Singapore	20Lx1	Hóa chất dùng để đo số lượng và kích thước của RBC và tiểu cầu. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Hóa chất sẽ ổn định trong vòng 60 ngày kể từ khi mở nắp. Thành phần: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02%.	Thùng	25
5	Dung dịch ly giải tế bào	Lysercell WDF (WDF-210A)		Sysmex Asia Pacific Pte Ltd - Singapore	5Lx1	Phân tích số lượng và tỷ lệ phần trăm các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17%	Hộp	6
6	Dung dịch nhuộm tế bào	Fluorocell WDF		Sysmex Corporation Ono Factory - Nhật Bản	42mL x 2	Sử dụng để nhuộm các tế bào bạch cầu trong các mẫu máu pha loãng để xác định 4 thành phần bạch cầu. Lưu trữ ở nhiệt độ 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9%	Hộp	6
7	QC Eightcheck mức thấp	Eightcheck-3WP-L		Streck, Inc - Mỹ	1.5mLx1	Vật liệu kiểm soát chất lượng trên máy xét nghiệm huyết học. Bảo quản ở 2 - 8 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày. Thành phần: chứa tế bào hồng cầu ở người được làm ổn định, bạch cầu cố định từ động vật có vú và thành phần tiểu cầu trong chất bảo quản	Lọ	7
8	QC Eightcheck mức trung bình	Eightcheck-3WP-N		Streck, Inc - Mỹ	1.5mLx1	Vật liệu kiểm soát chất lượng trên máy xét nghiệm huyết học. Bảo quản ở 2 - 8 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày. Thành phần: chứa tế bào hồng cầu ở người được làm ổn định, bạch cầu cố định từ động vật có vú và thành phần tiểu cầu trong chất bảo quản	Lọ	7

TT	Tên hàng hóa	Hàng hóa đề xuất					DVT	Số lượng
		Tên thương mại	Ký mã hiệu	Tên nhà sản xuất/Chủ sở hữu/ Xuất xứ	Quy cách sản phẩm	Thông số kỹ thuật		
9	QC Eightcheck mức cao	Eightcheck-3WP-H		Streck, Inc - Mỹ	1.5mLx1	Vật liệu kiểm soát chất lượng trên máy xét nghiệm huyết học. Bảo quản ở 2 - 8 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày. Thành phần: chứa tế bào hồng cầu ở người được làm ổn định, bạch cầu cố định từ động vật có vú và thành phần tiểu cầu trong chất bảo quản	Lọ	7
10	QC XN - L check mức thấp	XN-L CHECK Level 1		Streck, Inc - Mỹ	3mLx1	Sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần, tách phân các thành phần bạch cầu và hồng cầu lưới. Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản.	Lọ	7
11	QC XN - L check mức trung bình	XN-L CHECK Level 2		Streck, Inc - Mỹ	3mLx1	Sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần, tách phân các thành phần bạch cầu và hồng cầu lưới. Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản.	Lọ	7
12	QC XN - L check mức cao	XN-L CHECK Level 3		Streck, Inc - Mỹ	3mLx1	Sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần, tách phân các thành phần bạch cầu và hồng cầu lưới. Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản.	Lọ	7
13	Cellclean Auto	Cellclean Auto		Sysmex Corporation Ono Factory - Nhật Bản	4mL x 20	Chất tẩy kiềm mạnh để loại bỏ các chất phản ứng trên máy, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy. Lưu trữ ở nhiệt độ 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp. Thành phần: Sodium Hypochlorite (có chứa clo tỷ lệ 5,0%)	Hộp	4
14	Anti A	Anti A		Sifin-Đức	Lọ 10ml	Dùng để phát hiện kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO bằng phương pháp ngưng kết các tế bào hồng cầu người. Thành phần thuốc thử xét nghiệm Anti-A: dòng vô tính Sifin A-11H5. Chất bảo quản: Natri Azide ($\leq 0.99\text{mg/ml}$). Bảo quản 2-8° C. Đóng gói hộp 1 lọ 10ml.	Lọ	30
15	Anti B	Anti B		Sifin-Đức	Lọ 10ml	Dùng để phát hiện kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO bằng phương pháp ngưng kết các tế bào hồng cầu người. Thành phần thuốc thử xét nghiệm Anti-B: dòng vô tính Sifin B-6F9. Chất bảo quản: Natri Azide ($\leq 0.99\text{mg/ml}$). Bảo quản 2-8° C. Đóng gói hộp 1 lọ 10ml.	Lọ	30
16	Anti AB	Anti AB		Sifin-Đức	Lọ 10ml	Dùng để phát hiện kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO bằng phương pháp ngưng kết các tế bào hồng cầu người. Thành phần thuốc thử xét nghiệm Anti-AB: dòng vô tính Sifin A-5E10 và dòng vô tính sifin B-2D7. Chất bảo quản: Natri Azide ($\leq 0.99\text{mg/ml}$). Bảo quản 2-8° C. Đóng gói hộp 1 lọ 10ml.	Lọ	30

